

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 828/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (cơ sở 3) – địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý sơ thẩm số 912/TB-TLVA ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 845/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Lê Thái S, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 255/31/8 Quốc lộ X, khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 255/31/8 Quốc lộ X, khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 09 năm 2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Lê Thái S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T vào ngày 06/5/2019. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng sống chung với gia đình ông tại địa chỉ: 255/31/8 Quốc lộ X, khu phố Y, phường H, thành phố T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn đó là: Khi ông đến thăm con trai, hoặc gửi tiền chu cấp cho con thì bà N đều gây khó dễ với ông, khi ông về thăm vợ cũ thì bà N cho rằng ông đi ngoại tình với vợ cũ, kiếm chuyện gây sự với ông, ông cảm thấy bà N không chia sẻ với ông, làm khó ông trong việc thể hiện trách nhiệm với con riêng của ông, bà N gọi anh em người nhà đến làm khó ông, gây áp lực với ông, đổ lỗi cho ông thiếu trách nhiệm với vợ. Từ đó dẫn đến giữa ông và bà N thường xảy ra cãi vã, dần dần cuộc sống chung không còn hạnh phúc; từ khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2020 ông đã dọn ra ở riêng cho đến nay;

khi biết bà N bị tai nạn phải bó bột chân đi lại khó khăn ông cũng không về thăm hay giúp đỡ gì cho bà N. Nay ông xác định tình cảm với bà N không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

Bị đơn Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tiến tới hôn nhân như lời ông S trình bày là đúng; tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng theo bà vợ chồng từ sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì; do vợ cũ tác động nên ông S mới thường xuyên kiểm chuyện gây sự với bà, từ khoảng tháng 01/2021 ông S đã dọn nhà ra ngoài ở riêng cho đến nay, thời gian này vợ chồng không có gặp nhau, khi bà bị tai nạn phải bó bột chân ông S cũng không về thăm và chăm sóc cho bà; cuộc sống vợ chồng như vậy nhưng bà xác định tình cảm với ông S vẫn còn, nên bà không đồng ý ly hôn với ông S và đề nghị Tòa án xem xét cho thêm thời gian để cho ông S suy nghĩ lại.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 87/2019, ngày 06/5/2019 do UBND phường H, thành phố T, TP. Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Lê Thái S và bà Nguyễn Thị N thì quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà N là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông S và bà N không hạnh phúc. Tại phiên tòa, ông S và bà N xác định ông S đã ra ở riêng từ tháng 9 năm 2020 đến nay, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, bà N bị tai nạn nhưng không liên lạc được với chồng, ông S biết bà N bị tai nạn nhưng không quan tâm hỏi thăm chăm sóc. Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân xác định khoảng tháng 7 năm 2020 giữa ông S và bà N có phát sinh mâu thuẫn được tổ trưởng tổ x, Khu phố y, phường H hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn, tại thời điểm đó bà N muốn tự tử nếu ông S ly hôn có sự chứng kiến của bố, mẹ ông S. Do đó, xét thấy giữa ông S và bà N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Bà N xác định tình cảm vẫn còn, vẫn yêu chồng và muốn hàn gắn tuy nhiên ông S xác định không còn tình cảm với bà N, không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông S yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung: Không có; về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn bà Nguyễn Thị N cư trú tại địa chỉ 255/31/8 Quốc lộ X, khu phố Y, phường H, thành phố T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020; ông Nguyễn Lê Thái S yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 87/2019 ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T cấp cho ông Nguyễn Lê Thái S và bà Nguyễn Thị N; thì quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và có phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông S nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đó là: Khi ông đến thăm con trai, hoặc gửi tiền chu cấp cho con thì bà N đều gây khó dễ với ông, khi ông về thăm vợ cũ thì bà N cho rằng ông đi ngoại tình với vợ cũ, kiểm chuyện gây sự với ông, ông cảm thấy bà N không chia sẻ với ông, làm khó ông trong việc thể hiện trách nhiệm với con riêng của ông, bà N gọi anh em người nhà đến làm khó ông, gây áp lực với ông, đổ lỗi cho ông thiếu trách nhiệm với vợ. Từ đó dẫn đến giữa ông và bà N thường xảy ra cãi vã, dần dần cuộc sống chung không còn hạnh phúc; từ khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2020 ông đã dọn ra ở riêng cho đến nay; khi biết bà N bị tai nạn phải bó bột chân đi lại khó khăn ông cũng không về thăm hay giúp đỡ gì cho bà N.

Theo bà N vợ chồng từ sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì; nhưng do vợ cũ tác động nên ông S mới thường xuyên kiểm chuyện gây sự với bà, từ khoảng tháng 01/2021 ông S đã dọn nhà ra ngoài ở riêng cho đến nay, thời gian này vợ chồng không có gặp nhau, khi bà bị tai nạn phải bó bột chân ông S cũng không về thăm và chăm sóc cho bà.

Tại phiên tòa ông S và bà N cùng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không có tạo điều kiện toàn tụ gia đình; khi bà bị tai nạn gãy chân ông S cũng không về quan tâm chăm sóc lo cho bà. Qua xác minh tại địa phương được biết khoảng tháng 7/2020, giữa ông S và bà N có phát sinh mâu thuẫn, được tổ trưởng tổ x, khu phố y, phường H hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn; tại thời điểm đó bà N muốn tự tử nếu ông S ly hôn (có sự chứng kiến của bố mẹ, ông S).

Hiện nay vợ chồng ông S, bà N không có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vì vậy nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: không có.

[2.3]. Về tài sản chung: không có

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Lê Thái S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Thái S tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Lê Thái S và bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2019 ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Lê Thái S phải chịu, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0057772 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự
- Ủy ban nhân phường H,
- Thành phố T, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình